

Số: *32* /2020/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày *13* tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên
và chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao tỉnh Hưng Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thể dục, Thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, Thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;

Căn cứ Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, Thể thao;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao;

Căn cứ Thông tư số 61/2018/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định nội dung và mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao;

Căn cứ Nghị quyết số 252/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên và chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 170/TTr-SVHTTDL ngày 03 tháng 11 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nội dung và mức chi để thực hiện chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên và chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Vận động viên, huấn luyện viên thể thao đang tập luyện, huấn luyện tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao tỉnh; các đội tuyển thể thao tỉnh, đội tuyển thể thao các huyện, thị xã, thành phố, ngành và cơ sở; vận động viên, huấn luyện viên các lớp năng khiếu thể thao nghiệp dư nâng cao của tỉnh.

2. Vận động viên, huấn luyện viên thể thao làm nhiệm vụ tại các giải thể thao gồm: Đại hội thể dục thể thao toàn quốc, giải vô địch quốc gia từng môn hàng năm, giải thi đấu vô địch trẻ quốc gia, giải cúp quốc gia, giải vô địch các nhóm tuổi, giải thiếu niên nhi đồng, giải A1, hạng nhất, hạng nhì hàng năm từng môn thể thao; giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia tổ chức; giải thi đấu thể thao quần chúng, giải thể thao cho người khuyết tật cấp quốc gia; giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh; giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh tổ chức.

3. Thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức và các tiểu ban chuyên môn Đại hội thể dục thể thao, Hội khỏe Phù Đổng và giải thể thao các cấp.

4. Trọng tài, giám sát, thư ký điều hành các trận đấu; công an, y tế, bảo vệ, nhân viên phục vụ và các lực lượng khác liên quan tại các điểm tổ chức thi đấu.

Điều 3. Quy định chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao của tỉnh

1. Nội dung và mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu các giải thể thao khu vực, toàn quốc; vận động viên khuyết tật thuộc địa phương quản lý khi được cấp có thẩm quyền triệu tập tập huấn và thi đấu; vận động viên, huấn luyện viên Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao tỉnh trong thời gian tập luyện, huấn luyện và vận động viên, huấn luyện viên các lớp năng khiếu thể thao nghiệp dư nâng cao của tỉnh: Thực hiện theo Khoản 1, Điều 2 Nghị quyết số 252/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên và chi tiêu tài chính các giải thể thao.

2. Nội dung và mức chi hỗ trợ, ưu đãi đối với vận động viên, huấn luyện viên lập thành tích cao khi thi đấu các giải thể thao quốc gia, quốc tế: Thực hiện theo Khoản 2, Điều 2 Nghị quyết số 252/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên và chi tiêu tài chính các giải thể thao.

3. Một số chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu (tiền lương; tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu; bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo hiểm thất nghiệp; bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; bảo hiểm khi tập huấn, thi đấu ở nước ngoài đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu): Thực hiện theo Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 Nghị định số 152/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu.

4. Thuộc bổ tăng lực, nước uống đối với vận động viên thể thao thành tích cao của tỉnh: Thực hiện theo Điều 4 Thông tư số 61/2018/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định nội dung và mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao.

Điều 4. Chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao của tỉnh

1. Chế độ chi tiêu tài chính đối với Đại hội Thể dục thể thao cấp tỉnh, Giải thể thao cấp tỉnh, Hội khoẻ Phù Đổng cấp tỉnh: Thực hiện theo Khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 252/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên và chi tiêu tài chính các giải thể thao.

2. Chế độ chi tiêu tài chính đối với Đại hội Thể dục thể thao, giải thể thao do cấp huyện, ngành và cơ sở tổ chức: Thực hiện theo Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 252/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên và chi tiêu tài chính các giải thể thao.

Điều 5. Nội dung và mức chi tiền thưởng cho vận động viên, huấn luyện viên đoạt thành tích ở các giải quốc gia, giải thể thao quần chúng cấp quốc gia, đại hội thể dục thể thao toàn quốc, phá kỷ lục quốc gia

1. Mức thưởng bằng tiền đối với các vận động viên lập thành tích tại đại hội thể dục thể thao toàn quốc, giải thi đấu thể thao quốc gia, phá kỷ lục quốc gia:

a) Vận động viên phá kỷ lục quốc gia, đại hội thể dục thể thao toàn quốc, kỷ lục quốc tế được thưởng 10.000.000 đồng/lần phá kỷ lục.

b) Vận động viên đoạt huy chương Đại hội thể dục thể thao toàn quốc:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Huy chương vàng	Huy chương bạc	Huy chương đồng
1	Đại hội thể dục thể thao toàn quốc	30.000.000	20.000.000	10.000.000

c) Vận động viên đoạt huy chương tại giải vô địch quốc gia:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Huy chương vàng	Huy chương bạc	Huy chương đồng
1	Giải vô địch quốc gia	15.000.000	10.000.000	8.000.000

d) Vận động viên đoạt huy chương tại các giải thi đấu vô địch trẻ quốc gia và tương đương; mức thưởng được quy định theo lứa tuổi, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Huy chương vàng	Huy chương bạc	Huy chương đồng
1	Giải dành cho vận động viên dưới 12 tuổi	3.000.000	2.000.000	1.600.000
2	Giải dành cho vận động viên từ 12 đến dưới 16 tuổi	4.500.000	3.000.000	2.400.000
3	Giải dành cho vận động viên từ 16 đến dưới 18 tuổi	6.000.000	4.000.000	3.200.000
4	Giải dành cho vận động viên từ 18 đến dưới 21 tuổi	7.500.000	5.000.000	4.000.000

đ) Các môn thể thao tập thể, vận động viên lập thành tích được hưởng mức thưởng bằng số lượng người được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng.

e) Các môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội thì mức thưởng chung tính cho vận động viên bằng số lượng người được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân với 50% mức thưởng tương ứng.

g) Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi, thì từ huy chương thứ hai trở lên, mức thưởng chung cho vận động viên bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng.

h) Vận động viên đoạt được nhiều huy chương trong một giải thi đấu thì được thưởng tất cả các huy chương đã đạt được với mức thưởng tương ứng của từng nội dung.

2. Mức thưởng bằng tiền đối với huấn luyện viên có vận động viên lập thành tích tại các kỳ đại hội thể thao toàn quốc, giải thi đấu thể thao quốc gia

a) Đối với nội dung thi đấu cá nhân: Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên.

b) Đối với môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội: Mức thưởng cho huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích thì được hưởng mức thưởng bằng 50% thưởng tương ứng.

c) Đối với môn, nội dung thi đấu tập thể: Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên đoạt giải nhân với số lượng huấn luyện viên cụ thể như sau: Dưới 04 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên; từ 04 đến 08 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên; từ 09 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên; từ 13 đến 15 vận động viên

tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 04 huấn luyện viên; trên 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 05 huấn luyện viên.

d) Tỷ lệ phân chia tiền thưởng được thực hiện theo nguyên tắc: Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển được hưởng 60% tiền thưởng, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên ở cơ sở trước khi tham gia đội tuyển được hưởng 40% tiền thưởng.

3. Vận động viên, huấn luyện viên lập thành tích tại các giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao quần chúng cấp quốc gia được thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng cho vận động viên, huấn luyện viên lập thành tích tại các cuộc thi đấu vô địch quốc gia.

4. Huấn luyện viên có nhiều vận động viên đoạt được huy chương trong cùng một giải thi đấu sẽ được thưởng tất cả các huy chương đã đoạt được với mức tương ứng ở từng nội dung.

Điều 6. Chế độ tiền thưởng cho vận động viên đoạt huy chương tại các giải thể thao cấp tỉnh, cấp huyện, ngành và cơ sở

1. Đại hội Thể dục thể thao cấp tỉnh, Giải thể thao cấp tỉnh, Hội khoẻ Phù Đổng cấp tỉnh

a) Mức thưởng cho vận động viên đoạt huy chương giải vô địch các môn:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Mức thưởng
1	Huy chương vàng (Giải Nhất)	2.000.000
2	Huy chương bạc (Giải Nhì)	1.000.000
3	Huy chương đồng (Giải Ba)	800.000

b) Giải vô địch nhóm tuổi các môn bằng 50% mức thưởng đối với giải vô địch các môn.

c) Giải đồng đội: Mức thưởng chung bằng số vận động viên theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng của giải cá nhân, nhân với 50%.

d) Các môn thể thao tập thể: Mức thưởng chung bằng số vận động viên theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng của giải cá nhân.

đ) Giải toàn đoàn: Bằng 02 lần mức giải thưởng giải cá nhân.

2. Đại hội Thể dục thể thao, các giải thể thao cấp huyện, ngành và cơ sở:

a) Đối với cấp huyện, ngành: Mức thưởng không vượt quá 70% mức thưởng của cấp tỉnh tương ứng.

b) Đối với xã, phường, thị trấn: Mức thưởng không vượt quá 50% mức thưởng của cấp tỉnh tương ứng.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện chi trả chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên và chi tiêu tài chính các giải thể thao của tỉnh được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của sự nghiệp thể dục thể thao cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp quản lý.

Điều 8. Trách nhiệm tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2020.

Bãi bỏ Quyết định số 17/2012/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên và chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao của tỉnh.

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Giám đốc Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Văn hoá Thể thao và Du lịch, Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- CSDLQG về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX^{Ph}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phóng